

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 26 - 7 - 2023
“Ly hôn, tranh chấp chia tài sản
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tân.

Bà Lê Thị Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 102/2023/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2023/QĐST-DS ngày 19/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lý Thị Yến L**, sinh năm 2003.(vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Mỹ L, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh **Phạm Thành T**, sinh năm 2001. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Mỹ P, xã Mỹ B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Lý Thị Yến L trình bày:**

Giữa chị và anh Phạm Thành T tự nguyện đi đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/01/2022. Thời gian đầu hai người chung sống với nhau hạnh phúc

nhưng đến khoản tháng 09/2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn hay cãi vã với nhau và chị bỏ về nhà cha mẹ sinh sống. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Thành T. Về con chung: không có, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung, cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Đối với tài sản chung theo yêu cầu phản tố của anh T là 12 chỉ vàng 24K thì chị không đồng ý. Vì khi hỏi cưới chị thì gia đình anh T cho riêng chị là 05 chỉ vàng, gồm: 01 đôi bông 01 chỉ 18K, 01 cái kiềng 02 chỉ vàng 24K, 01 cái lắc tay 02 chỉ vàng 24K. Đến ngày cưới thì bà con có cho riêng chị 4,5 chỉ vàng 24K nữa. Nhưng khi còn sống chung thì chị với anh T đã bán số vàng này để tiêu sài hết. Do đó, chị không đồng ý chia số vàng này, còn việc anh T nói chị đang giữ 12 chỉ vàng 24K là không đúng sự thật.

*** Bị đơn anh Phạm Thành T trình bày:**

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Lý Thị Yên L về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung. Nay chị L xin ly hôn với anh thì anh đồng ý. Về con chung không có không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung, cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Đối với tài sản chung thì vợ chồng anh có tất cả 12 chỉ vàng 24K gồm: 01 đôi bông 01 chỉ 24K, 01 chiếc kiềng 02 chỉ vàng 24K; 01 chiếc lắc tay 02 chỉ vàng 24K và 07 chiếc khâu 07 chỉ vàng 24K, số vàng này là do gia đình anh và bà con cho trong ngày cưới. Hiện tất cả số vàng này chị L đang giữ. Tuy nhiên, phía chị L thừa nhận hai vợ chồng có 9,5 chỉ vàng anh cũng đồng ý, nhưng toàn bộ là vàng 24K không có vàng 18 K như chị L trình bày. Nay anh đồng ý chia số vàng là 9,5 chỉ vàng 24K. Anh yêu cầu được nhận 04 chỉ vàng 24K và đồng ý chia cho chị L 5,5 chỉ vàng 24K.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử (HĐXX) đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Về hôn nhân: Nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Về tài sản chung: chia cho nguyên đơn 5,5 chỉ vàng 24K, chia cho bị đơn 04 chỉ vàng 24K; Về con chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau ly hôn không ai yêu cầu nên không đặt ra xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn có địa chỉ cư trú: ấp Mỹ P, xã Mỹ B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

thị xã Ngã Năm theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Tại phiên tòa bị đơn thay đổi một phần yêu cầu phản tố là chỉ yêu cầu 9,5 chỉ vàng 24K. Đồng ý chia cho nguyên đơn 5,5 chỉ vàng 24K, bị đơn nhận 04 chỉ vàng 24K. Xét thấy, việc bị đơn thay đổi một phần yêu cầu phản tố là không vượt quá phạm vi yêu cầu phản tố ban đầu nên HĐXX chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Các đương sự trình đều thừa nhận cả hai đều tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/01/2022. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với tài liệu nguyên đơn cung cấp là trích lục kết hôn, ngày 27/01/2023 (BL 03) nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn trình bày do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện giữa hai người đã ly thân với nhau từ tháng 9/2022. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do cuộc sống của vợ chồng của nguyên đơn với bị đơn thường xuyên phát sinh mâu thuẫn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[5] Về tài sản chung: Bị đơn phản tố yêu cầu chia số vàng cưới là 9,5 chỉ vàng 24K gồm: 01 đôi bông 01 chỉ 24K, 01 cái kiềng 02 chỉ vàng 24K, 01 cái lắc 02 chỉ vàng 24K và còn lại 4,5 chỉ vàng 24K là nhẫn. Nguyên đơn cũng thừa nhận có 9,5 chỉ vàng trong đó có 8,5 chỉ vàng 24K và 01 chỉ vàng 18K. Đây là số vàng mà cha mẹ chồng và bà con bên chồng cho riêng nguyên đơn không phải cho chung vợ chồng. Đồng thời, hiện số vàng không còn do khi còn sống chung thì vợ chồng đã bán tiêu sài hết. Tuy nhiên, nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở chấp nhận. Do đó, HĐXX xác định nguyên đơn và bị đơn có chung tất cả là 9,5 chỉ vàng 24K. Tại phiên tòa bị đơn đồng ý chia cho nguyên đơn 5,5 chỉ vàng 24K và chia cho bị đơn 04 chỉ vàng 24K là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Từ đó, HĐXX chia cho nguyên đơn 5,5 chỉ vàng 24K, chia cho bị đơn 04 chỉ vàng 24K. Tại phiên tòa bị đơn đồng ý giá 01 chỉ vàng 24 là 5.500.000 đồng là cũng tương đương giá thị trường tại thời điểm xét xử nên HĐXX chấp nhận. Do tổng số vàng nguyên đơn đang giữ nên buộc nguyên đơn giao lại cho bị đơn số vàng được chia là 04 chỉ vàng 24K tương đương số tiền là 22.000.000 đồng.

[6]. *Về con chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn*: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí chia tài sản chung. Bị đơn phải chịu án phí chia tài sản chung theo quy định tại điểm a, điểm b, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

[8] Từ những phân tích trên xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình và điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn chị Lý Thị Yên L được ly hôn với bị đơn anh Phạm Thành T.

2. *Về con chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn*: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

3. *Về tài sản chung*:

- Chia cho nguyên đơn chị Lý Thị Yên L 5,5 chỉ vàng 24K tương đương số tiền (5,5 chỉ x 5.500.000 đồng) 30.250.000 đồng (ba mươi triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)

- Chia cho bị đơn anh Phạm Thành T 04 chỉ vàng 24K tương đương số tiền (04 chỉ x 5.500.000 đồng) 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng)

4. Buộc nguyên đơn chị Lý Thị Yên L có nghĩa vụ giao lại cho anh Phạm Thành T 04 chỉ vàng 24K được chia tương đương số tiền là 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về án phí:

- Nguyên đơn chị Lý Thị Yến L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) và án phí chia tài sản chung là 1.512.500 đồng (*một triệu năm trăm mười hai ngàn năm trăm đồng*). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn chị L đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006522, ngày 14/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn chị Lý Thị Yến L còn phải nộp thêm tiền án phí là 1.512.500 đồng (*một triệu năm trăm mười hai ngàn năm trăm đồng*).

- Bị đơn anh Phạm Thành T phải chịu án phí chia tài sản chung là 1.100.000 đồng (*một triệu một trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bị đơn anh T đã nộp 625.000 đồng (*sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009255, ngày 24/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn anh Phạm Thành T còn phải nộp thêm tiền án phí là 475.000 đồng (*bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*).

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- **UBND xã Mỹ Bình, thị xã Ngã Năm;**
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn